

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 9 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP ĐÀ NẴNG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhị Tứ - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1971; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1967; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 67/34 Đường T, phường G, quận Th, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, các Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị E trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Huỳnh Văn V kết hôn vào ngày 31-10-1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Đà Nẵng, có thời gian tìm hiểu nhau và có tổ chức kết hôn. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V ham chơi không lo làm ăn, thường lấy giấy tờ nhà đất để cầm cố. Tôi đã làm đơn ly hôn với ông cách đây 05 năm nhưng vì các con và muốn cho ông V cơ hội để thay đổi nên

tôi đã rút đơn. Tuy nhiên đến nay ông V vẫn không thay đổi, vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 02 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh ngày 15-5-1994 (đã trưởng thành) và Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Anh V1 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

* Theo Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, Bị đơn - ông Huỳnh Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị E về thời gian và điều kiện kết hôn. Thời gian sống chung với nhau vợ chồng không thể tránh khỏi mâu thuẫn. Vì vậy, đối với yêu cầu xin ly hôn của bà E tôi không đồng ý, xin hoãn cho tôi tới năm 2019 và xin được đoàn tụ.

Về quan hệ con chung: Tôi xác định có 02 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh ngày 15-5-1994 (đã trưởng thành) và Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004. Ly hôn, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu bà E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xử cho bà Nguyễn Thị E được ly hôn với ông Huỳnh Văn V; giao con chung Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004 cho bà E được trực tiếp nuôi dưỡng, ông V không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là ông Huỳnh Văn V đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Theo nguyên đơn trình bày thì bà và ông Huỳnh Văn V cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, quận C, thành phố Đà Nẵng vào năm 1992. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì nảy sinh mâu thuẫn do ông V ham chơi không lo làm ăn. Bà E đã cho ông V nhiều cơ hội nhưng ông V vẫn không thay đổi nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông V. Ông Huỳnh Văn V cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý đối với yêu cầu xin ly hôn của bà E và xin được đoàn tụ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thì thấy: Cuộc hôn nhân của bà Nguyễn Thị E và ông Huỳnh Văn V là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Đến nay, bà E cho rằng không chấp nhận được tính cách và không còn tình cảm với ông V nữa nên có quyền làm đơn khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Qua phần trình bày của các đương sự thì Hội đồng xét xử xác định giữa vợ chồng bà E và ông V thực sự có xảy ra nhiều mâu thuẫn mặc dù nguyên nhân hai bên nêu ra là khác nhau. Vợ chồng ông bà đã trải qua cuộc hôn nhân hơn hai mươi năm nên việc bà E xin ly hôn không phải là bộc phát mà là một quá trình. Ông Huỳnh Văn V xin đoàn tụ nhưng lại không có động thái nào níu kéo cuộc hôn nhân này. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông V bà E đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị E.

[4] Về quan hệ con chung: Các đương sự thống nhất trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh ngày 15-5-1994 (đã trưởng thành) và Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004. Các con chung hiện đang sống chung với ba mẹ. Bà Nguyễn Thị E và ông Huỳnh Văn V đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Anh V1. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương được biết ông V không thường xuyên có mặt ở nhà nên Hội đồng xét xử giao cháu V1 cho bà E nuôi dưỡng là phù hợp. Bà E không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của bà E, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà Nguyễn Thị E và ông Huỳnh Văn V đều trình bày tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu.

[7] Xét các đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn phù hợp và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 63, 147, 227, 228, 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" của bà Nguyễn Thị E đối với ông Huỳnh Văn V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị E được ly hôn với ông Huỳnh Văn V.

(Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 61/1992 ngày 31 tháng 10 năm 1992 của UBND phường D, quận C, thành phố Đà Nẵng.)

2. Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị E và ông Huỳnh Văn V có 02 con chung tên Huỳnh Anh T, sinh ngày 15-5-1994 (đã trưởng thành) và Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004.

Giao con chung Huỳnh Anh V1, sinh ngày 03-12-2004 cho bà Nguyễn Thị E trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Ông Huỳnh Văn V không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị E phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng theo biên lai thu số 008067 ngày 26 tháng 3 năm 2018.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Mai